

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **99/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 23 - 12 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vượng
2. Bà Hoàng Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXX- ST ngày 06/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị B, sinh năm 1991

- Bị đơn: Anh Điều T, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã Phước A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị B và anh Điều T có tự nguyện tìm hiểu và chung sống cùng nhau vào năm 2009, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Điều T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, thường xuyên đánh đập chửi bới vợ, chị Thị B đã nhiều lần khuyên

bảo và cho anh Điều T cơ hội để thay đổi nhưng anh không thay đổi nên chị Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Điều T.

Về con chung: Có 02 con chung Điều Minh L, sinh ngày 16/10/2009 và Điều Thị Ngọc D, sinh ngày 15/10/2016. Khi ly hôn chị Thị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Điều Thị Ngọc D, giao con chung Điều Minh L cho anh Điều T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Điều T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Thị B có tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, sau đó chung sống cùng nhau năm 2009, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã An K, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Điều T thường xuyên nhậu với bạn, chị Thị B tức giận rồi đưa 02 con về xã A ở. Do anh Điều T còn yêu thương vợ nên anh Điều T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung Điều Minh L, sinh ngày 16/10/2009 và Điều Thị Ngọc D, sinh ngày 15/10/2016. Khi ly hôn, anh Điều T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Thị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ tạp hóa số tiền khoảng 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Khi ly hôn, anh Điều T yêu cầu mỗi người phải trả 1 nửa số nợ trên.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng quy định từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Thành phần các đương sự tham gia vụ án đúng theo quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì thêm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các lời khai của các đương, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho nguyên đơn chị Thị B được ly hôn với anh Điều T; giao con chung Điều Thị Ngọc D, sinh ngày 15/10/2016 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Điều Minh L, sinh ngày 16/10/2009 cho anh Điều T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

Về nợ chung: Do đương sự không cung cấp được thông tin người cho vay nên không có căn cứ giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị B phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều T, anh T hiện cư trú tại ấp T, xã Phước A, huyện H, tỉnh Bình Phước nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Thị B và bị đơn Điều T vắng mặt lần thứ nhất nhưng có yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị B và anh Điều T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Điều T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, thường xuyên đánh đập chửi bới vợ, chị Thị B đã nhiều lần khuyên bảo và cho anh Điều T cơ hội để thay đổi nhưng anh T không thay đổi nên chị Thị B yêu cầu ly hôn. Anh Điều T thống nhất về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị Thị B, anh T xác định vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Điều T thường xuyên ăn nhậu, vợ chồng hiện không còn chung sống cùng nhau nữa.

Anh Điều T không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị B nhất quyết ly hôn, anh T cũng không có thiện chí hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên hòa giải. Tại biên bản xác minh ngày 17/11/2021 Ban áp nơi chị B, anh T sinh sống xác nhận vợ chồng chị B thường xuyên cãi nhau, anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt nên hiện vợ chồng không còn chung

sống cùng nhau. Các bên đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, việc đoàn tụ của các bên không còn ý nghĩa. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị B, cho chị Thị B được ly hôn với anh Điều T.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung Điều Minh L, sinh ngày 16/10/2009 và Điều Thị Ngọc D, sinh ngày 15/10/2016. Khi ly hôn, chị Thị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Điều Thị Ngọc D, giao con chung Điều Minh L cho anh Điều T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Điều T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Thị B cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện nuôi con nhưng các đương sự không cung cấp được. Hiện nay, cháu L đang do anh Điều T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu D do chị Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn đồng thời để các cháu có đủ điều kiện phát triển tốt về tâm sinh lý, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thị B, chấp nhận một phần yêu cầu của anh Điều T, giao cháu L cho anh Điều T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho chị Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Thị B xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh Điều T xác định vợ chồng có nợ của chủ tạp hóa tên H số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), khi ly hôn anh Điều T yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số nợ trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ra thông báo yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ về việc vay nợ nhưng đương sự không cung cấp được thông tin của người cho vay nợ, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị B được ly hôn với anh Điều T.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 ngày 14/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước).

- Về con chung: Giao con chung Điều Minh L, sinh ngày 16/10/2009 cho anh Điều T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Điều Thị Ngọc D, sinh ngày 15/10/2016 cho chị Thị B trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013549 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THADS huyện Hớn Quản;
- Dương sự;
- UBND xã An Khương;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng